

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 15  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 8 - 2025

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Thiện.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Ngọc Điệp;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thảo Vy – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1965, Căn cước số 051165003835, do Bộ C1 cấp ngày 11/3/2025; địa chỉ: Số nhà F, đường N, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964, Căn cước số 051064021074, do Bộ C1 cấp ngày 22/11/2024; địa chỉ: Số nhà F, đường N, khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện, phiên hoà giải và tại phiên tòa – nguyên đơn là bà Huỳnh Thị T trình bày:*

Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T1 kết hôn năm 1988, hôn nhân là tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi), theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 678 ngày

26/9/1988. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống yên ổn hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn kéo dài đến gần 30 năm nay. Nguyên nhân, tính cách không phù hợp. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân nhau và bản thân bà T xác định không còn tình cảm với chồng cũng như chồng là ông T1 cũng không quan tâm đến vợ là bà T. Vì vậy, bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

- Về con chung và cấp dưỡng: Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có 02 con chung là Nguyễn Việt C, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Việt T2, sinh năm 1999. Do các con chung trên 18 tuổi nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Tại phiên hoà giải và tại phiên toà – bị đơn là ông Nguyễn Văn T1 trình bày:*

Ông Nguyễn Văn T1 thống nhất với phần trình bày của bà Huỳnh Thị T về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống đã nảy sinh rất nhiều mâu thuẫn. Tuy nhiên, mâu thuẫn không phải từ một mình bản thân ông T1 mà có nguyên nhân xuất phát từ cả bà T. Do bà T ăn nói rất lỗ mắng và có nguyện vọng muốn đi nơi khác sinh sống nhưng ông T1 không đồng ý nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do hai vợ chồng đã lớn tuổi nên ông T1 không đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của bà T.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có 02 con chung là Nguyễn Việt C, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Việt T2, sinh năm 1999. Do các con chung trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình điều tra, việc thu thập chứng cứ, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng được Tòa án thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Bà T và ông T1 chung sống như vợ chồng và có tiến hành đăng ký kết hôn với nhau theo quy định. Nay do mâu thuẫn đã trầm trọng, hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nguyên đơn xác định không còn tình cảm với chồng nên có nguyện vọng được ly hôn. Bị đơn là ông T1 không đồng ý. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 là có thật, được các người con đã trưởng thành của bà T, ông T1 xác nhận. Do đó, yêu cầu về việc xin ly hôn của bà T đối với ông T1 là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung, bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có 02 con chung là Nguyễn Việt C, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Việt T2, sinh năm 1999. Do các con chung trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện bà Huỳnh Thị T là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn là ông Nguyễn Văn T1 có địa chỉ cư trú tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T1 kết hôn năm 1988, hôn nhân là tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi), theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 678 ngày 26/9/1988, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng. Hiện nay, bà T xác định không còn tình cảm với chồng là ông T1. Vì vậy, bà T có nguyện vọng được ly hôn với ông T1. Yêu cầu của bà T không được ông T1 chấp nhận. Tuy nhiên, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T1 là có thật và rất trầm trọng đã được các bên thừa nhận, được sự chứng kiến, xác nhận của các con chung đã thành niên của bà T và ông T1. Do đó, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T1 là có thật và đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T1 có 02 con chung là Nguyễn Việt C, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Việt T2, sinh năm 1999. Do các con chung đã trưởng thành (trên 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[6] Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T1 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Các Điều 28, 35, 39, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T1 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

- Về con chung: Các con chung của bà Huỳnh Thị T và ông Nguyễn Văn T1 là Nguyễn Việt C, sinh năm 1990 và Nguyễn Thị Việt T2, sinh năm 1999. Hiện nay đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T được miễn nộp tiền án phí.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Thiện**